

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
01	2458102060821	Lương Hoài	Chương	14/06/2009	8.7	8.5	7.9	7.3	7.6	Khá
02	2458102060822	Mus To Fa Ro	Thìa Dah	09/08/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2458102060823	Hứa Khánh	Duy	18/10/2009	8.9	8.2	8.4	7.7	8.0	Giỏi
04	2458102060824	Trần Văn	Đăng	24/09/2009	7.8	6.9	2.3	7.0	4.9	Yếu
05	2458102060825	Nguyễn Ngọc	Hà	23/01/2009	8.8	8.6	5.9	6.9	6.4	Trung bình
06	2458102060826	Quách Ngọc Gia	Hân	23/01/2009	8.6	5.5	8.7	7.4	8.0	Giỏi
07	2458102060827	Phạm Diễm	Huỳnh	08/10/2009	9.1	9.4	7.4	7.5	7.5	Khá
08	2458102060828	Lê Thị Kim	Hương	16/02/2009	7.7	5.8	7.5	7.4	7.4	Khá
09	2458102060829	Trần Anh	Kiệt	20/04/2009	7.8	9.1	7.9	5.9	6.8	Trung bình
10	2458102060830	Nguyễn Thị Thúy	Lan	01/10/2009	8.4	6.6	8.1	8.3	8.2	Giỏi
11	2458102060831	Lương Thị Huỳnh	Lê	14/01/2009	6.5	6.0	5.3	6.9	6.2	Trung bình
12	2458102060832	Lâm Tuệ	Mỹ	14/11/2009	7.4	7.0	7.6	6.6	7.1	Khá
13	2458102060835	Nguyễn Thị Xuân	Nga	27/11/2009	6.6	7.4	6.1	6.8	6.5	Trung bình
14	2458102060836	Đặng Phương	Nghi	19/12/2008	7.5	5.5	6.0	6.9	6.5	Trung bình
15	2458102060837	Trần Hữu	Nghĩa	14/10/2009	9.1	8.9	8.2	7.0	7.5	Khá
16	2458102060838	Lê Huỳnh Hoài	Ngọc	03/11/2008	7.4	6.9	7.6	7.7	7.7	Khá
17	2458102060839	Đinh Trung	Nguyên	25/05/2009	6.2	9.0	7.3	5.3	6.2	Trung bình
18	2458102060841	Hồ Nguyễn Khánh	Nhi	05/04/2009	6.3	6.1	6.3	7.2	6.8	Trung bình
19	2458102060843	Trần Hữu	Phát	14/03/2009	6.9	8.6	7.4	6.6	7.0	Khá
20	2458102060844	Huỳnh Nhật	Phúc	06/09/2009	6.8	6.5	5.8	6.9	6.4	Trung bình
21	2458102060845	Trần Văn	Phúc	26/04/2009	8.3	9.9	7.6	6.7	7.1	Khá
22	2458102060846	Nguyễn Thành Nam	Quân	23/02/2009	6.8	7.4	7.3	7.7	7.5	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
23	2458102060847	Nguyễn Xuân	Quốc	31/08/2009	8.3	7.5	6.2	7.1	6.7	Trung bình
24	2458102060849	Tạ Chí	Tâm	29/10/2009	6.1	8.0	3.7	6.0	5.0	Trung bình
25	2458102060850	Huỳnh Văn	Thành	03/09/2009	8.5	6.8	7.3	7.9	7.6	Khá
26	2458102060851	Phạm Gia	Thịnh	25/03/2009	8.2	7.3	6.0	7.5	6.8	Trung bình
27	2458102060852	Diệp Trần Phúc	Tinh	15/01/2009	6.9	6.7	6.2	7.9	7.1	Khá
28	2458102060853	Nguyễn Đình Gia	Trí	16/12/2008	6.2	6.8	6.2	7.3	6.8	Trung bình
29	2458102060854	Hồ Ngọc	Trinh	21/04/2009	8.6	7.3	7.8	8.3	8.1	Giỏi
30	2458102060855	Nguyễn Trọng	Tuấn	03/07/2009	7.6	6.1	7.9	7.2	7.5	Khá
31	2458102060856	Nguyễn Khắc	Vĩ	24/03/2009	7.2	9.8	5.6	8.5	7.2	Khá
32	2458102060858	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	06/11/2008	5.7	6.4	5.4	7.2	6.4	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái